UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

Số: 6382 /SYT-NV
V/v triển khai Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 9 năm 2022

Kính gửi:
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các cơ sở y tế ngoài công lập;
- Phòng Y tế các huyện, thành phố.

(Sau đây gọi là các đơn vị)

Thực hiện Công văn số 9471/UBND-THNC ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ *(Công văn và Nghị định gửi kèm);*

Sở Y tế triển khai Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất đến các đơn vị biết, tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ SYT (để báo cáo);
- Website SYT;
- Lưu: VT, NV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Quang Trung

Số 2 - Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (02513) 943811, Fax: (02513) 847269, Email: syt@dongnai.gov.vn, Website: syt.dongnai.gov.vn

SAO Y

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 12.09.2022 15:46:17 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 9471 /UBND-THNC V/v thực hiện Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ	*Đồng Nai, ngày 12 tháng 9 năm 2022*

Kính gửi:
- Công an tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Sở Y tế;
- Sở Công thương;
- Cục Hải quan.

Thực hiện Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất *(File điện tử đính kèm)*; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Công an tỉnh triển khai, phổ biến Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ đến các cơ quan, đơn vị liên quan để biết và thực hiện theo đúng quy định về danh mục chất ma túy và tiền chất./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KGVX, THNC.

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Văn Nguyên

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
SĐT: (0251) 3822500 – FAX: (0251) 3823854 – 3824934

Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 57/2022/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2022*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Bộ luật Hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Điều 1. Danh mục các chất ma túy và tiền chất

Ban hành kèm theo Nghị định này Phụ lục các danh mục chất ma túy và tiền chất sau đây:

Danh mục I: Các chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội; việc sử dụng các chất này trong nghiên cứu, kiểm nghiệm, giám định, điều tra tội phạm theo quy định đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền.

Danh mục II: Các chất ma túy được sử dụng hạn chế trong nghiên cứu, kiểm nghiệm, giám định, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Danh mục III: Các chất ma túy được sử dụng trong nghiên cứu, kiểm nghiệm, giám định, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế, thú y theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Danh mục IV: Các tiền chất (IVA: Các tiền chất thiết yếu, tham gia vào cấu trúc chất ma túy; IVB: Các tiền chất là hóa chất, dung môi, chất xúc tác dùng trong quá trình sản xuất chất ma túy).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Công an, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quản lý các thuốc thú y có chứa chất ma túy và tiền chất, chất ma túy và tiền chất dùng làm nguyên liệu sản xuất thuốc thú y theo quy định tại Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy.

3. Khi phát hiện chất mới chưa có trong các danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định này liên quan đến mục đích bất hợp pháp hoặc theo quy định tại 03 Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống ma túy thì Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan xem xét, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung và công bố các danh mục đó.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 8 năm 2022.

2. Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; Nghị định số 60/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung danh mục các chất ma túy và tiền chất ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).110

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vũ Đức Đam

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ)

Danh mục I	Các chất ma túy tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội; việc sử dụng các chất này trong nghiên cứu, kiểm nghiệm, giám định, điều tra tội phạm theo quy định đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền
Danh mục II	Các chất ma túy được sử dụng hạn chế trong nghiên cứu, kiểm nghiệm, giám định, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
Danh mục III	Các chất ma túy được sử dụng trong nghiên cứu, kiểm nghiệm, giám định, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế, thú y theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
Danh mục IV	Các tiền chất

DANH MỤC I
CÁC CHẤT MA TÚY TUYỆT ĐỐI CẤM SỬ DỤNG TRONG Y HỌC VÀ ĐỜI SỐNG XÃ HỘI; VIỆC SỬ DỤNG CÁC CHẤT NÀY TRONG NGHIÊN CỨU, KIỂM NGHIỆM, GIÁM ĐỊNH, ĐIỀU TRA TỘI PHẠM THEO QUY ĐỊNH ĐẶC BIỆT CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

IA. Các chất và muối, đồng phân, ester, ether và muối của các đồng phân, ester, ether có thể tồn tại của các chất này

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetorphine	3-*O*-acetyltetrahydro - 7 - α - (1 - hydroxyl - 1 - methylbutyl) - 6, 14 - *endo*etheno - oripavine	25333-77-1
2	Acetyl-*alpha*-methylfenanyl	*N*- [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - piperidyl] acetanilide	101860-00-8
3	Alphacetylmethadol	α - 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-58-5
4	*Alpha*-methylfentanyl	*N*- [1 - (α - methylphenethyl) - 4 - peperidyl] propionanilide	79704-88-4
5	*Beta*-hydroxyfentanyl	*N*- [1- (β - hydroxyphenethyl) - 4 - peperidyl] propionanilide	78995-10-5
6	*Beta*-hydroxymethyl-3-fentanyl	*N*- [1 - (β - hydroxyphenethyl) - 3 - methyl - 4 - piperidyl] propinonanilide	78995-14-9
7	Desomorphine	Dihydrodeoxymorphine	427-00-9
8	Etorphine	Tetrahydro - 7α - (1 - hydroxy - 1 - methylbutyl) - 6,14 - *endo*etheno - oripavine	14521-96-1
9	Heroin	Diacetylmorphine	561-27-3
10	Ketobemidone	4 - *meta* - hydroxyphenyl - 1 - methyl - 4 - propionylpiperidine	469-79-4
11	3-methylfentanyl	*N*- (3 - methyl - 1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	42045-86-3
12	3-methylthiofentanyl	*N*- [3 - methyl - 1 [2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	86052-04-2
13	Morphine methobromide và các chất dẫn xuất của Morphine Nitơ hóa trị V khác	(5α,6α) - 17 - Methyl - 7,8 -didehydro - 4,5 - epoxymorphinan - 3,6 - diol - bromomethane (1:1)	125-23-5
14	*Para*-fluorofentanyl	4' - fluoro - *N* - (1 - phenethyl - 4 - piperidyl) propionanilide	90736-23-5
15	PEPAP	1 - phenethyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol acetate	64-52-8
16	Thiofentanyl	*N* - (1 [2- (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] - 4 - propionanilide	1165-22-6

IB. Các chất và muối, đồng phân có thể tồn tại của các chất này

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Brolamphetamine (DOB)	2,5 - dimethoxy - 4 - bromoamphetamine	64638-07-9
2	Cathinone	(-) - α - aminopropiophenone	71031-15-7
3	DET	*N, N* - diethyltryptamine	7558-72-7
4	Delta-9-tetrahydrocanabinol	(6*aR*, 10*aR*) - 6*a*, 7, 8, 10*a* - tetrahydro - 6,6,9 - trimethyl - 3 - pentyl - 6*H* - dibenzo [*b,d*] pyran - 1 - ol	1972-08-3
5	DMA	(±) - 2,5 - dimethoxy - α - methylphenylethylamine	2801-68-5
6	DMHP	3 - (1,2 - dimethylheptyl) - 1 - hydroxy - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro – 6,6,9 - trimethyl - 6*H* - dibenzo [*b,d*] pyran	32904-22-6
7	DMT	*N, N* - dimethyltryptamine	61-50-7
8	DOET	(±) - 4 - ethyl - 2,5 - dimethoxy - α - phenethylamine	22004-32-6
9	Eticyclidine	*N*- ethyl - 1 - phenylcylohexylamine	2201-15-2
10	Etryptamine	3 - (2 - aminobuty) indole	2235-90-7
11	MDMA	(±) - *N* - α - dimethyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	42542-10-9
12	Mescalin	3,4,5 - trimethoxyphenethylamine	54-04-6
13	Methcathinone	2 - (methylamino)-1- phenylpropan-1- one	5650-44-2
14	4-methylaminorex	(±) - *cis* - 2 - amino - 4 - methyl - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	3568-94-3
15	MMDA	(±) - 5 - methoxy - 3,4 - methylenedioxy - α - methylphenylethylamine	13674-05-0
16	(+)-Lysergide (LSD)	9,10 - didehydro - *N, N* - diethyl - 6 - methylergoline - 8β carboxamide	50-37-3
17	*N*-hydroxy MDA (MDOH)	(±) - *N* - hydroxy - [α - methyl - 3,4 - (methylenedyoxy) phenethyl] hydroxylamine	74698-47-8
18	*N*-ethyl MDA	(±) *N* - ethyl - methyl - 3,4 - (methylenedioxy) phenethylamine	82801-81-8
19	Parahexyl	3 - hexyl - 7, 8, 9, 10 - tetrahydro - 6, 6, 9 - trimethyl - 6*H* - dibenzo [*b,d*] pyran -1- ol	117-51-1
20	PMA	*p* - methoxy - α - methylphenethylamine	64-13-1
21	Psilocine, Psilotsin	3 - [2 - (dimetylamino) ethyl] indol - 4 - ol	520-53-6
22	Psilocybine	3 - [2 - dimetylaminoethyl] indol -4- yl dihydrogen phosphate	520-52-5
23	Rolicyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexy) pyrrolidine	2201-39-0
24	STP, DOM	2,5- dimethoxy - 4,α- dimethylphenethylamine	15588-95-1
25	Tenamfetamine (MDA)	α - methyl - 3,4 - (methylendioxy) phenethylamine	4764-17-4
26	Tenocyclidine (TCP)	1 - [1 - (2 - thienyl) cyclohexyl] piperidine	21500-98-1
27	TMA	(+) - 3,4,5 - trimethoxy - α - methylphenylethylamine	1082-88-8

IC. Các chất và muối có thể tồn tại của các chất này

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	MPPP	1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - piperidinol propionate (ester)	13147-09-6

ID. Các chất sau

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Cần sa và các chế phẩm từ cần sa		8063-14-7
2	Lá Khat	Lá cây Catha edulis	
3	Thuốc phiện và các chế phẩm từ thuốc phiện*		

* Trừ trường hợp ethyl este của acid béo iod hóa trong dầu hạt thuốc phiện mà không còn chứa chất ma túy từ thuốc phiện.

DANH MỤC II
CÁC CHẤT MA TÚY ĐƯỢC SỬ DỤNG HẠN CHẾ TRONG NGHIÊN CỨU, KIỂM NGHIỆM, GIÁM ĐỊNH, ĐIỀU TRA TỘI PHẠM HOẶC TRONG LĨNH VỰC Y TẾ THEO QUY ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

IIA. Các chất và muối, đồng phân, ester, ether và muối của các đồng phân, ester, ether có thể tồn tại của các chất này

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Acetylmethadol	3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	509-74-0
2	AH 7921	3, 4- dichloro- *N*- [[1- (dimethylamino) xyclohexyl] methyl] - benzamit	55154-30-8
3	Alfentanil	*N*- [1 - [2 - (4 - ethyl - 4,5 - dihydro - 5 - oxo - 1*H* - tetrazol - 1 - yl) ethyl] - 4 - (methoxymethyl) - 4 - piperidinyl] - *N* - phenylpropanamide	71195-58-9
4	Allylprodine	3 - allyl - 1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - propionoxypiperidine	25384-17-2
5	Alphameprodine	α - 3 - ethyl - 1 - methyl - 4 - phenyl - 4 - propionoxypiperidine	468-51-9
6	Alphamethadol	α - 6- dimethylamino - 4,4 - diphenyl - 3 - heptanol	17199-54-1
7	Alphamethylthiofentanyl	*N* - [1 - [1 - methyl - 2 - (2 - thienyl) ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	103963-66-2
8	Alphaprodine	(α - 1,3 - dimethyl - 4 - phenyl - 4 - propionoxypiperidine	77-20-3
9	Anileridine	1 - *para* - aminophenethyl - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester	144-14-9
10	Benzenthidine	1 - (2 - benzyloxyethyl) - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester	3691-78-9
11	Benzylmorphine	3 - benzylmorphine	36418-34-5
12	Betacetylmethadol	β- 3 - acetoxy - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenylheptane	17199-59-6
13	Betameprodine	β- 3 - ethyl - 1 - methyl - 4 - phenyl - propionoxypiperidine	468-50-8
14	Betamethadol	β - 6 - dimethylamino - 4,4 - diphenyl - 3 - hepthanol	17199-55-2
15	Betaprodine	β - 1,3 - dimethyl - 4 - phenyl - 4 - propionoxypiperidine	468-59-7
16	Bezitramide	1 - (3 - cyano - 3,3 - diphenylpropyl) - 4 - (2 - oxo - 3 - propionyl - 1 - benzimidazolinyl) - piperidine	15301-48-1
17	Clonitrazene	(2 - *para* - chlobenzyl) - 1 - diethylaminoethyl - 5 - nitrobenzimidazole	3861-76-5
18	Cocaine	Benzoyl - 1 - ecgoninmethyloxime	50-36-2

19	Codoxime	Dihydrocodeinone - 6 - carboxymethyloxime	7125-76-0
20	Dextromoramide	(+) - 4 [2 - methyl - 4 - oxo - 3,3 - diphenyl - 4 - (1 - pyrrolidinyl) butyl] morpholine	357-56-2
21	Diampromide	*N* - [2 - (methylphenethylamino) - propyl] propionalinide	552-25-0
22	Diethylthiambutene	3 - diethylamino - 1,1 - di - (2' - thienyl) - 1 - butene	86-14-6
23	Difenoxin	1 - (3 - cyano - 3,3 - diphenylpropyl) - 4 - phenylisonipecotic acid	28782-42-5
24	Dihydromorphine	7,8 - dihydromorphine	509-60-4
25	Dimenoxadol	2 - dimethylaminoethyl - 1 - ethoxy - 1,1 - diphenylacetate	509-78-4
26	Dimepheptanol	6 - dimethylamino - 4,4 - diphenyl - 3 - hepthanol	545-90-4
27	Dimethylthiambutene	3 - dimethylamino - 1,1 - di - (2' - thienyl) - 1 - butene	524-84-5
28	Dioxaphetyl butyrate	Ethyl - 4 - morpholino - 2,2 - diphenylbutyrate	467-86-7
29	Diphenoxylate	1 - (3 - cyano - 3,3 - diphenylpropyl) - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester	915-30-0
30	Dipipanone	4,4 - diphenyl - 6 - piperidine - 3 - heptanone	467-83-4
31	Drotebanol	3,4 - dimethoxy - 17 methylmorphinan - 6β, 14 - diol	3176-03-2
32	Ecgonine và các dẫn xuất	(-) - 3 - hydroxytropane - 2 - carboxylate	481-37-8
33	Ethylmethylthiambutene	3 - ethylmethylamino - 1,1 - di - (2' - thienyl) - 1 - butene	441-61-2
34	Etonitazene	1 - diethylaminoethyl - 2 *para* - ethoxybenzyl - 5 - nitrobenzimidazole	911-65-9
35	Etoxeridine	1 - [2 - (2 - hydroxyethoxy) - ethyl] - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester	469-82-9
36	Fentanyl	1 - phenethyl - 4 - *N* - propionylanilinopiperidine	437-38-7
37	Furethidine	1 - (2 - tetrahydrofurfuryloxyethyl) - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester	2385-81-1
38	Hydrocodone	Dihydrocodeinone	125-29-1
39	Hydromorphinol	14 - hydroxydihydromorphine	2183-56-4
40	Hydromorphone	Dihydromorphinone	466-99-9
41	Hydroxypethidine	4 - *meta* - hydroxyphenyl - 1 - methylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester	468-56-4
42	Isomethadone	6 - dimethylamino - 5 - methyl - 4,4 - diphenyl - 3 - hexanone	466-40-0
43	Levomethorphan	(-) - 3 - methoxy - *N* - methylmorphinan	125-68-8
44	Levomoramide	(-) - 4 - [2 - methyl - 4 - oxo - 3,3 - diphenyl - 4 -(1 - pyrrolidinyl) butyl] morpholine	5666-11-5
45	Levophenacylmorphan	(-) - 3 - hydroxy - *N* - phenacylmorphinan	10061-32-2
46	Levorphanol	(-) - 3 - hydroxy - *N* - methylmorphinan	77-07-6
47	Metazocine	2' - hydroxy - 2,5,9 - trimethyl - 6,7 - benzomorphan	3734-52-9

48	Methadone	6 - dimethylamino - 4,4 - diphenyl - 3 - heptanone	76-99-3
49	Methadone intermediate	4 - cyano - 2 dimethylamino - 4,4 - diphenylbutane	125-79-1
50	Methyldesorphine	6 - methyl - *delta* - 6 - deoxymor phine	16008-36-9
51	Methyldihydromorphine	6 - methyldihydromorphine	509-56-8
52	Metopon	5 - methyldihydromorphinone	143-52-2
53	Moramide	2 - methyl - 3 - morpholino - 1,1 - diphenylpropane carboxylic acid	545-59-5
54	Morpheridine	1 - (2 - morpholinoethyl) - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester	469-81-8
55	Morphine	7,8 - dehydro - 4,5 - epoxy - 3,6 - dihydroxy - *N* - methylmorphinan	57-27-2
56	Morphine - N - oxide	3,6 - dihydroxy - *N* - methyl - 4,5 - epoxy - morphinen - 7 - *N* - oxide	639-46-3
57	Myrophine	Myristylbenzylmorphine	467-18-5
58	Nicomorphine	3,6 - dinicotinylmorphine	639-48-5
59	Noracymethadol	(±) - α - 3 - acetoxy - 6 - methylamino - 4,4 - diphenyl - heptane	1477-39-0
60	Norlevorphanol	(-) - 3 - hydroxymorphinan	1531-12-0
61	Normethadone	6 - dimethylamino - 4,4 diphenyl - 3 - hexanone	467-85-6
62	Normorphine	*N* - demethylmorphine	466-97-7
63	Norpipanone	4,4 - diphenyl - 6 - piperidino - 3 - hexanone	561-48-8
64	Oxycodone	14 - hydroxydihydrocodeinone	76-42-5
65	Oxymorphone	14 - hydroxydihydromorphinone	76-41-5
66	Pethidine	1 - methyl - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester	57-42-1
67	Pethidine intermediate A	4 - cyano - 1 - methyl - 4 - phenylpiperidine	3627-62-1
68	Pethidine intermediate B	4 - Phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester	77-17-8
69	Pethidine intermediate C	1 - methyl - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid	3627-48-3
70	Phenadoxone	6 - morpholino - 4,4 - diphenyl - 3 - heptanone	467-84-5
71	Phenampromide	*N* - (1 - methyl - 2 - piperidinoethyl) propionanilide	129-83-9
72	Phenazocine	2' - hydroxy - 5,9 - dimethyl - 2 - phenethyl - 6, 7 - benzomorphan	127-35-5
73	Phenomorphan	3 - hydroxy - *N* - phenethylmorphinan	468-07-5
74	Phenoperidine	1 - (3 - hydroxy - 3 - phenylpropyl) - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester	562-26-5
75	Piminodine	4 - phenyl - 1 - (3 - phenylaminopropyl) - piperidine - 4 - carboxylic acid ethyl ester	13495-09-5
76	Piritramide	1- (3 - cyano - 3,3 - diphenylpropyl) - 4 - (1 - piperidino) - piperidine - 4 - carboxylic acid amide	302-41-0
77	Proheptazine	1,3 - dimethyl - 4 - phenyl - 4 - propionoxyazacycloheptane	77-14-5
78	Properidine	1 - methyl - 4 - phenylpiperidine - 4 - carboxylic acid isopropyl ester	561-76-2

79	Racemethorphan	(±) - 3 - methoxy - *N* - methylmorphinan	510-53-2
80	Racemoramide	(±) - 4 - [2 - methyl - 4 - oxo - 3,3 - diphenyl - 4 - (1 - pyrrolidinyl)butyl] morpholine	545-59-5
81	Racemorphan	(±) - 3 - hydroxy - *N* - methylmorphinan	297-90-5
82	Remifentanil	1 - (2 - methoxycarbonylethyl) - 4 - (phenylpropionylamino)-piperidine - 4carboxylic acid methyl ester	132875-61-7
83	Sulfentanil	*N* - [4 - (methoxymethyl) - 1- [2 - (2 - thienyl) - ethyl] - 4 - piperidyl] propionanilide	56030-54-7
84	Thebacon	Acethyldihydrocodeinone	466-90-0
85	Thebaine	3,6 - dimethoxy - *N* - methyl - 4,5 - epoxymorphinadien - 6,8	115-37-7
86	Tilidine	(±) - ethyl - trans - 2 - (dimethylamino) - 1 - phenyl - 3 - cyclohexene - 1 - carboxylate	20380-58-9
87	Trimeperidine	1,2,5 - trimethyl - 4 - phenyl - 4 - propionoxypiperidine	64-39-1

IIB. Các chất và muối, đồng phân có thể tồn tại của các chất này

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	25B-NBOMe	2- (4 - bromo - 2,5 -dimethoxyphenyl) - *N* [(2-methoxyphenyl) methyl] ethanamine	1026511-90-9
2	25C-NBOMe	2- (4-chloro-2,5-dimethoxyphenyl) - *N* - [(2-methoxyphenyl) methyl] ethanamine	1227608-02-7
3	25I-NBOMe	2- (4-iodo-2,5-dimethoxyphenyl) -*N* - [(2-methoxyphenyl) methyl] ethanamine	919797-19-6
4	Acetyldihydrocodeine	(5α, 6α) - 4,5 - epoxy - 3 - methoxy - 17 - methyl - morphinan - 6 - ol acetat	3861-72-1
5	Amphetamine	(±) - α - methylphenethylamine	300-62-9
6	Codeine (3 - methylmorphine)	6 - hydroxy - 3 - methoxy - *N* - methyl - 4,5 - epoxy - morphinen - 7	76-57-3
7	Dextropropoxyphene	α - (+) - 4 - dimethylamino - 1,2 - diphenyl - 3 - methyl - 2 - butanol propionate	469-62-5
8	Dihydrocodeine	6 - hydroxy - 3 - methoxy - *N* - methyl - 4,5 - epoxy - morphinan	125-28-0
9	Ethylmorphine	3 - Ethylmorphine	76-58-4
10	Methylphenidate	Methyl - α - phenyl - 2 - piperidineacetate	113-45-1
11	Nicocodine	6 - nicotinylcodeine	3688-66-2
12	Nicodicodine	6 - nicotinyldihydrocodeine	808-24-2
13	Norcodeine	*N* - demethylcodeine	467-15-2
14	PMMA	*Para*-methoxy methamphetamine	3398-68-3
15	Propiram	*N* - (1 - methyl - 2 - piperidinoethyl) - *N* - 2 - pyridylpropionamide	15686-91-6

IIC. Các chất và muối có thể tồn tại của các chất này

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	(1-(5-fluoropentyl)-3-(2-ethylbenzoyl)indole)	(2-ethylphenyl) (1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl) methanone	
2	(1-(5-fluoropentyl)-3-(2-methylbenzoyl)indole)	(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(o-tolyl)methanone	

3	(1-Pentyl-1*H*-indazol-3-yl)(2,2,3,3tetramethylcyclopropyl)methanone	(1-Pentyl-1*H*-indazol-3-yl) (2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl) methanone	
4	(1-pentyl-1*H*-indazol-3-yl)piperazin-1-yl)methanone	(1-pentyl-1*H*-indazol-3-yl) piperazin-1-yl) methanone	
5	(1-Pentyl-1*H*-indol-3-yl)(pyridin-3-yl)methanone	(1-Pentyl-1*H*-indol-3-yl) (pyridin-3-yl) methanone	
6	(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)piperazin-1-yl)methanone	(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)piperazin-1-yl) methanone	
7	1-(Cyclohexylmethyl)-2-[(4-ethoxyphenyl)methyl]-*N*,*N*-diethyl-1*H*-benzimidazol-5-carboxamide	1-(cyclohexylmethyl)-2-(4-ethoxybenzyl)-*N*,*N*-diethyl-1*H*-benzo[*d*]imidazole-5-carboxamide	1046140-32-2
8	1-(Phenylmethyl)-1*H*-indole-3-carboxylic acid 8-quinolinyl ester	quinolin-8-yl 1-benzyl-1*H*-indole-3-carboxylate	
9	1-Benzyl-*N*-(quinolin-8-yl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1-benzyl-*N*-(quinolin-8-yl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
10	1-Benzyl-*N*-(quinolin-8-yl)-1*H*-indole-3-carboxamide	1-benzyl-*N*-(quinolin-8-yl)-1*H*-indole-3-carboxamide	
11	1-Pentyl-N-(quinolin-8-yl)-1H-indole-3-carboxamide	1-pentyl-*N*-(quinolin-8-yl)-1*H*-indole-3-carboxamide	
12	1Cp-LSD	(6aR,9R)-4-(cyclopropanecarbonyl)-N,N-diethyl-7-methyl-4,6,6a,7,8,9-hexahydroindolo[4,3-fg]quinoline-9-carboxamide	
13	2C-B	4-Bromo-2,5-dimethoxyphenethylamine	66142-81-2
14	2C-E	4 - ethyl - 2,5 - Dimethoxyphenethylamine	71539-34-9
15	2C-H	2,5-dimethoxy-phenethylamine	3600-86-0
16	2-fluorodeschloroketamine (Fluoroketamine)	2-(2-fluorophenyl)-2-(methylamino)cyclohexan-1-one	111982-50-4
17	2-FMA	2-fluoro-N-α-dimethyl-benzeneethanamine	
18	3-(4-Hydroxymethylbenzoyl)-1-pentylindole	(4-(hydroxymethyl)phenyl)(1-pentyl-1H-indol-3-yl)methanone	
19	3-(5-Benzyl-1,3,4-oxadiazol-2-yl)-1-(2-morpholin-4-ylethyl)-1H-indole	4-(2-(3-(5-benzyl-1,3,4-oxadiazol-2-yl)-1*H*-indol-1-yl)ethyl)morpholine	
20	3-(5-Benzyl-1,3,4-oxadiazol-2-yl)-1-(2-pyrrolidin-1-ylethyl)-1H-indole	2-benzyl-5-(1-(2-(pyrrolidin-1-yl)ethyl)-1*H*-indol-3-yl)-1,3,4-oxadiazole	
21	3-FEA	N-ethyl-3-fluoro-α-methyl-benzeneethanamine, monohydrochloride	54982-43-3
22	3-Meo-PCP	1-[1-(3-methoxyphenyl)cyclohexy]-piperidine	72242-03-6
23	3-MMC	2-(methylamino)-1-(3-methylphenyl)-1-propanone	1246816-62-5
24	4,4'-DMAR	*Para*-methyl-4-methylaminorex	364064-08-4

25	4-CEC	1-(4-Chlorophenyl)-2-(ethy lamino)-1-propanone	14919-85-8
26	4-CMC (Clefedrone, 4-chloromethcathinone)	1-(4-chlorophenyl)-2-methylamine)propan-1-one	1225843-86-6
27	4-fluoroamphetamine (4-FA)	1-(4-Fluorophenyl)-2-propanamine	459-02-9
28	4-fluoroisobutyrfentanyl (para Fluoroisobutyrfentanyl, 4-FIBF, pFIBF)	N-(4-fluorophenyl)-N-(1-phenethylpiperidin-4-yl) isobutyramide	244195-32-2
29	4F-ABUTINACA	1-(4-fluorobutyl)-N-tricyclo[3.3.1.13,7]dec-1-yl-1H-indazole-3-carboxamide	1445580-39-1
30	4F-MDMB-BICA (4F-MDMB-BUTICA)	methyl 2-({[1-(4-fluorobutyl)-1H-indol-3-yl]carbonyl}amino)-3,3-dimethylbutanoate	
31	4F-MDMB-BINACA (4F-MDMB-BUTINACA)	Methyl 2-(1-(4-fluorobutyl)-1H-indazole-3-carboxamido)-3,3-dimethylbutanoate	
32	4-HO-DiPT	3-[2-(diisopropylamino) ethyl]-1*H*-indol-4-ol	63065-90-7
33	4-Hydroxy-3,3,4-trimethyl-1-(1-pentyl-1H-indol-3-yl) pentan-1-one	4-hydroxy-3,3,4-trimethyl-1-(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)pentan-1-one	1445751-38-1
34	4-methylcanthinone	2-amino-1- (4-metylphenyl) propan-1-one	31952-47-3
35	5-APB	1-Benzofuran-5-ylpropan-2-amine	286834-81-9
36	5C-AKB48	*N*-(adamantan-1-yl)-1-(5-chloropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
37	5-Chloro-NNE1 (5-Cl-MN-24)	1-(5-chloropentyl)-*N*-(naphthalen-1-yl)-1*H*-indole-3-carboxamide	
38	5-Cl-AB-PINACA	*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(5-chloropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1801552-02-2
39	5F-AB-001	adamantan-1-yl(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)methanone	
40	5F-AB-FUPPYCA	*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(5-fluoropentyl)-5-(4-fluorophenyl)-1*H*-pyrazole-3-carboxamide	
41	5F-AB-PINACA	*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1800101-60-3
42	5F-ADBICA	*N*-(1-amino-3,3-dimethyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indole-3-carboxamide	1863065-82-0
43	5F-ADB-PINACA	*N*-(1-amino-3,3-dimethyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1863065-90-0
44	5F-AEB	ethyl (1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carbonyl)-L-valinate	
45	5F-AKB48 (5F-APINACA)	*N*-(adamantan-1-yl)-1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1400742-13-3

46	5F-AMB	methyl (1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carbonyl)valinate	1801552-03-3
47	5F-AMBICA	*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indole-3-carboxamide	1801338-26-0
48	5F-APICA	*N*-(adamantan-1-yl)-1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indole-3-carboxamide	1354631-26-7
49	5F-APP-PINACA	*N*-(1-amino-1-oxo-3-phenylpropan-2-yl)-1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
50	5F-EMB-PINACA	Ethyl 2-[[1-(5-fluoropentyl)indazole-3-carbonyl]amino]-3-methyl-butanoate	
51	5F-INPB-22	quinolin-8-yl 1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxylate	
52	5-fluoropentyl-3-pyridinoylindole	(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(pyridin-3-yl)methanone	
53	5F-MDMB-PICA (5F-MDMB-2201, MDMB-2201)	(Methyl 2-[[1-(5-fluoropentyl) indole-3-carbonyl]amino]-3,3-dimethyl-butanoate)	1971007-88-1
54	5F-MDMB-PINACA	methyl 2-(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxamido)-3,3-dimethylbutanoate	1715016-75-3
55	5F-MMB-PICA	methyl (1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indole-3-carbonyl)valinate	1616253-26-9
56	5F-MN-18	1-(5-fluoropentyl)-*N*-(naphthalen-1-yl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
57	5F-MN-24	1-(5-fluoropentyl)-*N*-(naphthalen-1-yl)-1*H*-indole-3-carboxamide	1445580-60-8
58	5F-PB-22	quinolin-8-yl 1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indole-3-carboxylate	1411742-41-7
59	5F-PCN	1-(5-fluoropentyl)-*N*-(naphthalen-1-yl)-1*H*-pyrrolo[3,2-c]pyridine-3-carboxamide	
60	5F-PY-PICA	(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(pyrrolidin-1-yl)methanone	
61	5F-PY-PINACA	(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazol-3-yl)(pyrrolidin-1-yl)methanone	
62	5F-SDB-005	naphthalen-1-yl 1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxylate	
63	5F-SDB-006	*N*-benzyl-1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indole-3-carboxamide	776086-02-2
64	5F-THJ (5F-THJ-018)	1-(5-fluoropentyl)-*N*-(quinolin-8-yl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
65	5F-UR-144 indazole	(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazol-3-yl)(2,2,3,3tetramethylcyclopropyl)methanone	
66	5-Meo-DiPT	3- [2- (diisopropylamino) ethyl] -5-methoxyindole	4021-34-5
67	5-MeO-MiPT	*N* - [2- (5-methoxy-1*H* -indol-3-yl) ethyl] - *N* -methylpropan-2-amin	96096-55-8

68	A-796,260	(1-(2-morpholinoethyl)-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl)methanone	895155-26-7
69	A-796,260 isomer	E)-3,4,4-trimethyl-1-(1-(2-morpholinoethyl)-1*H*-indol-3-yl)pent-2-en-1-one	
70	A-834,735	(1-((tetrahydro-2*H*-pyran-4-yl)methyl)-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl)methanone	895155-57-4
71	A-836,339	(E)-*N*-(3-(2-methoxyethyl)-4,5-dimethylthiazol-2(3*H*)-ylidene)-2,2,3,3-tetramethylcyclopropane-1-carboxamide	959746-77-1
72	AB-005	(1-((1-methylpiperidin-2-yl)methyl)-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl)methanone	895155-25-6
73	AB-005 azepane	(1-(1-methylazepan-3-yl)-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl)methanone	
74	AB-CHMFUPPYCA	*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(cyclohexylmethyl)-3-(4-fluorophenyl)-1*H*-pyrazole-5-carboxamide	1870799-79-3
75	AB-CHMICA	(S)-*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indole-3-carboxamide	
76	AB-CHMINACA	(S)-*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1185887-21-1
77	AB-CHMINACA 2'-indazole	(S)-*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-2-(cyclohexylmethyl)-2*H*-indazole-3-carboxamide	
78	AB-FUBINACA	(S)-*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(4-fluorobenzyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1185282-01-2
79	AB-FUBINACA 2-fluorobenzyl	(S)-*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(2-fluorobenzyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1185282-16-9
80	AB-PICA	*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-pentyl-1*H*-indole-3-carboxamide	
81	AB-PINACA	(S)-*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-pentyl-1*H*-indazole-3-carboxamide	1445752-09-9
82	AB-PINACA N-(2-fluoropentyl)	*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(2-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
83	AB-PINACA N-(3-fluoropentyl)	*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(3-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
84	AB-PINACA N-(4-fluoropentyl)	*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(4-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	

85	AB-PINACA N-(5-fluoropentyl)	*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
86	AB-PINACA-N-FluoroPentyl	*N*- (1-amino 3 methyl- 1- oxobutan- 2-yl) - 1- fluoropentyl) - 1*H*- indazole- 3 cacboxamide	
87	Acetyl fentanyl	*N* - (1-Phenethylpiperidin-4-yl) - *N* - phenylacetamide	3258-84-2
88	Acetylpsilocine (Psilacetine, 4-AcO DMT)	4-Acetoxy-N,N-dimethyl tryptamine, 3-(2'-dimethylaminoethyl)-4-acetoxy-indole	92292-84-7
89	Acryloylfentanyl (Acrylfentanyl)	N-(1-phenylethylpiperidin-4-yl)-N-phenylacrylamide	82003-75-6
90	Alpha-PHP (PV-7,α-pyrrolidinohexanophenon)	1-phenyl-2-(pyrrolidin-1-yl) hexan-1-one	13415-86-6
91	Adamantyl-THPINACA	*N*-(adamantan-1-yl)-1-((tetrahydro-2*H*-pyran-4-yl)methyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
92	ADB-BUTINACA	N-(1-amino-3,3-dimethyl-1-oxobutan-2-yl)-1-butyl-1H-indazole-3-carboxamide	
93	ADB-CHMICA	*N*-(1-amino-3,3-dimethyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indole-3-carboxamide	
94	ADB-CHMINACA (MAB-CHMINACA)	*N*-(1-amino-3,3-dimethyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1863065-92-2
95	ADB-FUBICA	(S)-*N*-(1-amino-3,3-dimethyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(4-fluorobenzyl)-1*H*-indole-3-carboxamide	
96	ADB-FUBINACA	*N*-(1-amino-3,3-dimethyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(4-fluorobenzyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1445583-51-6
97	ADBICA	*N*-(1-amino-3,3-dimethyl-1-oxobutan-2-yl)-1-pentyl-1*H*-indole-3-carboxamide	1445583-48-1
98	ADB-PINACA	*N*-(1-amino-3,3-dimethyl-1-oxobutan-2-yl)-1-pentyl-1*H*-indazole-3-carboxamide	1633766-73-0
99	ADSB-FUB-187	7-chloro-*N*-(1-((2-(cyclopropanesulfonamido)ethyl)amino)-3,3-dimethyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(4-fluorobenzyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
100	AKB-57	adamantan-1-yl 1-pentyl-1*H*-indazole-3-carboxylate	
101	*Alpha* - Pyrrolidinopentiophenone	(*RS*)-1-Phenyl-2-(1-pyrrolidinyl)-1-pentanone	14530-33-7
102	AM-1220	(1-((1-methylpiperidin-2-yl)methyl)-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	134959-64-1

103	AM-1220 azepane	(1-((1-methylazepan-3-yl)methyl)-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	
104	AM-1241	(2-iodo-5-nitrophenyl)(1-((1-methylpiperidin-2-yl)methyl)-1*H*-indol-3-yl)methanone	444912-48-5
105	AM-1248	adamantan-1-yl(1-((1-methylpiperidin-2-yl)methyl)-1*H*-indol-3-yl)methanone	335160-66-2
106	AM-1248 azepane	adamantan-1-yl(1-(1-methylazepan-3-yl)-1*H*-indol-3-yl)methanone	
107	AM-2201	1 - [(5-fluoropentyl) -1*H* -indole-3-yl] - (naphthalen-1-yl) methanone	335161-24-5
108	AM-2201 4-methoxynaphtyl	(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(4-methoxynaphthalen-1-yl)methanone	
109	AM-2201 N-(4-fluoropentyl)	(1-(4-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	
110	AM-2232	5-(3-(1-naphthoyl)-1*H*-indol-1-yl)pentanenitrile	335161-19-8
111	AM-2233	(2-iodophenyl)(1-((1-methylpiperidin-2-yl)methyl)-1*H*-indol-3-yl)methanone	444912-75-8
112	AM-356	(5Z,8Z,11Z,14Z)-*N*-((R)-1-hydroxypropan-2-yl)icosa-5,8,11,14-tetraenamide	157182-49-5
113	AM-6527 N-(5-fluoropentyl)	1-(5-fluoropentyl)-*N*-(naphthalen-2-yl)-1*H*-indole-3-carboxamide	
114	AM-679	(2-iodophenyl)(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)methanone	335160-91-3
115	AM-694	(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(2-iodophenyl)methanone	335161-03-0
116	AM-694 (Chloro)	(1-(5-chloropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(2-iodophenyl)methanone	
117	AMB (MMB-PINACA,AMB-PINACA)	methyl (1-pentyl-1*H*-indazole-3-carbonyl)-L- valinate	1890250-13-1
118	AMB-CHMICA (MMB-CHMICA)	methyl (1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indole-3-carbonyl)valinate	
119	AMB-CHMINACA	methyl (1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indazole-3-carbonyl)-valinate	1863066-03-8
120	APICA	*N*-(adamantan-1-yl)-1-pentyl-1*H*-indole-3-carboxamide	1345973-50-3
121	APINACA (AKB48)	*N*-(adamantan-1-yl)-1-pentyl-1*H*-indazole-3-carboxamide	1345973-53-6
122	APP-CHMINACA	*N*-(1-amino-1-oxo-3-phenylpropan-2-yl)-1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1185887-14-2
123	Benzylone (BMDP)	1-(1,3-benzodioxol-5-yl)-2-(benzylamino)propan-1-one	1823274-68-5
124	Brorphine	1-(1-(1-(4-bromophenyl)ethyl)piperidin-4-yl)-1,3-dihydro-2H-benzo[d]imidazol-2-one	2244737-98-0
125	Butyrfentanyl	*N*-(1-phenethylpiperidin-4-yl)-*N*-phenylbutyramide	1169-70-6
126	BZP	1-Benzylpiperazine	2759-28-6

127	Cannabipiperidiethanone	2-(2-methoxyphenyl)-1-(1-((1-methylpiperidin-2-yl)methyl)-1*H*-indol-3-yl)ethan-1-one	1345970-43-5
128	Carfentanil	Methyl 4-(N-propionyl-N-phenylamino)-1 -(2- phenylethyl)-4-piperidinecarboxylate	59708-52-0
129	Crotonylfentanyl	(E)-N-(1-phenethylpiperidin-4-yl)-N-phenylbut-2-enamide	760930-59-0
130	Cyclopropylfentanyl	N-(1-phenethylpiperidin-4-yl)-N-phenylcyclopropane carboxamide	1169-68-2
131	CBL-018	naphthalen-1-yl 1-pentyl-1*H*-indole-3-carboxylate	
132	CL-2201	(4-chloronaphthalen-1-yl)(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)methanone	1391486-12-6
133	CP-47,497	rel-2-((1R,3S)-3-hydroxycyclohexyl)-5-(2-methyloctan-2-yl)phenol	70434-82-1
134	CP-47,497 (C8 + C2)		
135	CP-47,497-C6	rel-2-((1R,3S)-3-hydroxycyclohexyl)-5-(2-methylheptan-2-yl)phenol	132296-20-9
136	CP-47,497-C8 Cannabicyclohexanol	rel-2-((1R,3S)-3-hydroxycyclohexyl)-5-(2-methylnonan-2-yl)phenol	70434-92-3
137	CP-47,497-C9	rel-2-((1R,3S)-3-hydroxycyclohexyl)-5-(2-methyldecan-2-yl)phenol	132296-12-9
138	CP-55,244	(2S,4S,4aS,6R,8aR)-4-(2-hydroxy-4-(2-methyloctan-2-yl)phenyl)-6-(hydroxymethyl)decahydronaphthalen-2-ol	
139	CP-55,940	rel-2-((1R,2R,5R)-5-hydroxy-2-(3-hydroxypropyl)cyclohexyl)-5-(2-methyloctan-2-yl)phenol	83003-12-7
140	CRA-13	naphthalen-1-yl(4-(pentyloxy)naphthalen-1-yl)methanone	432047-72-8
141	CUMYL-4CNBINACA	1-(4-cyanobutyl)-*N*-(1-methyl-1-phenyl-ethyl)indazole-3-carboxamide	1631074-54-8
142	CUMYL-5F-P7AICA	1-(5-fluoropentyl)-*N*-(2-phenylpropan-2-yl)-1*H*-pyrrolo[2,3-b]pyridine-3-carboxamide	
143	CUMYL-5F-PICA	1-(5-fluoropentyl)-*N*-(2-phenylpropan-2-yl)-1*H*-indole-3-carboxamide	
144	CUMYL-5F-PINACA	1-(5-fluoropentyl)-*N*-(2-phenylpropan-2-yl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1400742-16-6
145	CUMYL-BICA	1-butyl-*N*-(2-phenylpropan-2-yl)-1*H*-indole-3-carboxamide	
146	CUMYL-PEGACLONE	5-pentyl-2-(2-phenylpropan-2-yl)-2,5-dihydro-1H-pyrido[4,3-b]indol-1-one	2160555-55-3
147	CUMYL-PICA	1-pentyl-*N*-(2-phenylpropan-2-yl)-1*H*-indole-3-carboxamide	1400742-32-6
148	CUMYL-PINACA	1-pentyl-*N*-(2-phenylpropan-2-yl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1400742-15-5

149	CUMYL-THPINACA	*N*-(2-phenylpropan-2-yl)-1-((tetrahydro-2*H*-pyran-4-yl)methyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	1400742-50-8
150	Dexamphetamine	(+) - 2 - amino - 1 - phenylpropane	51-64-9
151	Diethylpropion	2-(Diethylamino) propiophenone	90-84-6
152	Dimethyl CP-47,497-C8	rel-2-((1R,5S)-5-hydroxy-3,3-dimethylcyclohexyl)-5-(2-methylnonan-2-yl)phenol	
153	Diphenidine	1-(1,2-diphenylethyl)piperidine	28383-15-5
154	DOC (2,5-Dimethoxy-4-chloroamphetamine)	1-(4-chloro-2,5-dimethoxy phenyl) propan-2-amine	42203-77-0
155	EAM-2201 (5F-JWH-210)	(4-ethylnaphthalen-1-yl)(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)methanone	1364933-60-7
156	EG-018	naphthalen-1-yl(9-pentyl-9*H*-carbazol-3-yl)methanone	
157	EG-2201	(9-(5-fluoropentyl)-9*H*-carbazol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	3652-90-2
158	EMB-FUBINACA	ethyl (1-(4-fluorobenzyl)-1*H*-indazole-3-carbonyl)valinate	
159	Ethylone	(RS) -1- (1,3-benzodioxol-5-yl) -2-(ethylamino) propane-1-one	1112937-64-0
160	Ethylphenidate	(RS)-ethyl 2-phenyl-2-piperidin-2-yl acetate	57413-43-1
161	Eutylone (bk-EBDB, N-Ethylbutylone)	1-(1,3-benzodioxol-5-yl)-2-(ethylamino) butan-1-one	802855-66-9
162	FDU-NNEI	1-(4-fluorobenzyl)-*N*-(naphthalen-1-yl)-1*H*-indole-3-carboxamide	
163	FDU-PB-22	naphthalen-1-yl 1-(4-fluorobenzyl)-1*H*-indole-3-carboxylate	1883282-94-3
164	Fenethylline	7 - [2 - (α - methylphenethyl - amino) ethyl] theophylline	3736-08-1
165	FUB-144 (FUB-UR-144)	[1-(4-fluorobenzyl)-1*H*-indol-3-yl](2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl)methanone	
166	FUB-AKB-48	*N*-((3s,5s,7s)-adamantan-1-yl)-1-(4-fluorobenzyl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
167	FUB-AMB (AMB-FUBINACA, MMB-FUBINACA)	methyl (1 -(4-fluoroben/yl)- 1H-inda/ole-3 -carbonyl)valinate	1715016-76-4
168	FUBIMINA	(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-benzo[d]imidazol-2-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	
169	FUB-JWH-018	(1-(4-fluorobenzyl)-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	
170	FUB-PB-22	quinolin-8-yl 1-(4-fluorobenzyl)-1*H*-indole-3-carboxylate	1800098-36-5
171	Furanylfentanyl	*N*-Phenyl-*N*-[1-(2-phenylethyl)piperidin- 4-yl]furan-2-carboxamide	101345-66-8
172	GHB	γ-Hydroxybutyric acid	591-81-1

173	HU-210	(6aR,10aR)-9-(hydroxymethyl)-6,6-dimethyl-3-(2-methyloctan-2-yl)-6a,7,10,10a-tetrahydro-6*H*-benzo[c]chromen-1-ol	112830-95-2
174	HU-211	(6a,10a)-9-(hydroxymethyl)-6,6-dimethyl-3-(2-methyloctan-2-yl)-6a,7,10,10a-tetrahydro-6*H*-benzo[c]chromen-1-ol	112924-45-5
175	HU-308	(4-(2,6-dimethoxy-4-(2-methyloctan-2-yl)phenyl)-6,6-dimethylbicyclo[3.1.1]hept-2-en-2-yl) methanol	256934-39-1
176	HU-331	(1'R)-6-hydroxy-3'-methyl-4-pentyl-6'-(prop-1-en-2-yl)-[1,1'-bi(cyclohexane)]-2',3,6-triene-2,5-dione	137252-25-6
177	INPB-22	quinolin-8-yl 1-pentyl-1*H*-indazole-3-carboxylate	1445579-61-2
178	Isotonitazene	N,N-diethyl-2-(2-(4-isopropoxybenzyl)-5-nitro-1H-benzo[d]imidazol-1-yl)ethan-1-amine	14188-81-9
179	JTE-907	*N*-(benzo[d][1,3]dioxol-5-ylmethyl)-7-methoxy-2-oxo-8-(pentyloxy)-1,2-dihydroquinoline-3-carboxamide	282089-49-0
180	JWH-007	(2-methyl-1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	155471-10-6
181	JWH-015	(2-methyl-1-propyl-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	155471-08-2
182	JWH-018	1-pentyl-3-(1-naphthoyl) indole	209414-07-3
183	JWH-018 adamantyl (AB-001)	adamantan-1-yl(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)methanone	1345973-49-0
184	JWH-018 cyclohexylmethyl	(1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	
185	JWH-018 isopentyl	(1-isopentyl-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	
186	JWH-018 N-(5-bromopentyl)	(1-(5-bromopentyl)-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	
187	JWH-018 N-(5-chloropentyl)	(1-(5-chloropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	
188	JWH-018 N-(5-hydroxypentyl)	(1-(5-hydroxypentyl)-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	
189	JWH-019	(1-hexyl-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	209414-08-4
190	JWH-022	naphthalen-1-yl(1-(pent-4-en-1-yl)-1*H*-indol-3-yl)methanone	209414-16-4
191	JWH-030	naphthalen-1-yl(1-pentyl-1*H*-pyrrol-3-yl)methanone	162934-73-8
192	JWH-071	(1-ethyl-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	
193	JWH-073	1-butyl-3-(1-naphthoyl) indole	208987-48-8
194	JWH-073 (4-methylnaphthyl)	(1-butyl-1*H*-indol-3-yl)(4-methylnaphthalen-1-yl)methanone	

195	JWH-081	(4-methoxynaphthalen-1-yl)(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)methanone	210179-46-7
196	JWH-122	(4-methylnaphthalen-1-yl)(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)methanone	619294-47-2
197	JWH-122 5-Methyl-naphtyl	(5-methylnaphthalen-1-yl)(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)methanone	
198	JWH-122 N-(4-pentenyl)	(4-methylnaphthalen-1-yl)(1-(pent-4-en-1-yl)-1*H*-indol-3-yl)methanone	1445577-68-3
199	JWH-122 N-(4-pentenyl) -2-methylindole	(4-methylnaphthalen-1-yl)(1-(4-pentenyl) -2-methylindole)-1*H*-indol-3-yl)methanone	
200	JWH-122 N-(5-chloropentyl)	(1-(5-chloropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(4-methylnaphthalen-1-yl)methanone	1445578-25-5
201	JWH-122 N-(5-hydroxypentyl)	(1-(5-hydroxypentyl)-1*H*-indol-3-yl)(4-methylnaphthalen-1-yl)methanone	1379604-68-8
202	JWH-145	naphthalen-1-yl(1-pentyl-5-phenyl-1*H*-pyrrol-3-yl)methanone	
203	JWH-175	(1-pentylindol-3-yl)naphthalen-1-ylmethane	619294-35-8
204	JWH-182	(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)(4-propylnaphthalen-1-yl)methanone	824960-02-3
205	JWH-200	(1-(2-morpholinoethyl)-1*H*-indol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	103610-04-4
206	JWH-201	2-(4-methoxyphenyl)-1-(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)ethan-1-one	864445-47-6
207	JWH-203	2-(2-chlorophenyl)-1-(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)ethan-1-one	864445-54-5
208	JWH-206	2-(4-chlorophenyl)-1-(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)ethan-1-one	864445-58-9
209	JWH-210	(4-ethylnaphthalen-1-yl)(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)methanone	824959-81-1
210	JWH-213	(4-ethylnaphthalen-1-yl)(2-methyl-1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)methanone	824959-83-3
211	JWH-250	1-pentyl-3- (2-methoxyphenylacetyl) indole	864445-43-2
212	JWH-251	1-(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)-2-(o-tolyl)ethan-1-one	864445-39-6
213	JWH-267	(2-methoxynaphthalen-1-yl)(1-pentyl-1H-indol-3-yl)methanone	
214	JWH-302	2-(3-methoxyphenyl)-1-(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)ethan-1-one	864445-45-4
215	JWH-307	(5-(2-fluorophenyl)-1-pentyl-1*H*-pyrrol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	914458-26-7
216	JWH-368	(5-(3-fluorophenyl)-1-pentyl-1*H*-pyrrol-3-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	914458-31-4
217	JWH-370	naphthalen-1-yl(1-pentyl-5-(o-tolyl)-1*H*-pyrrol-3-yl)methanone	914458-22-3
218	JWH-387	(4-bromonaphthalen-1-yl)(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)methanone	207227-49-4

219	JWH-398	(4-chloronaphthalen-1-yl)(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)methanone	1292765-18-4
220	JWH-412	(4-fluoronaphthalen-1-yl)(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)methanone	
221	JWH-412 N-(-5-fluoropentyl)	(4-fluoronaphthalen-1-yl)(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)methanone	
222	Levamphetamine	l - α - methylphenethylamine	156-34-3
223	Levomethamphetamine	(-) - *N*, α - dimethylphenethylamine	537-46-2
224	LS-91297	(4-methoxyphenyl)(1-methyl-1*H*-indol-3-yl)methanone	
225	LTI-701	1-(5-fluoropentyl)-*N*-phenyl-1*H*-indole-3-carboxamide	
226	LY-2183240	5-([1,1'-biphenyl]-4-ylmethyl)-*N*,*N*-dimethyl-1*H*-tetrazole-1-carboxamide	
227	LY2183240-2'-isomer	5-([1,1'-biphenyl]-4-ylmethyl)-*N*,*N*-dimethyl-2*H*-tetrazole-2-carboxamide	
228	M5FPIC	methyl 1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indole-3-carboxylate	
229	MAM-2201	(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(4-methylnaphthalen-1-yl)methanone	1354631-24-5
230	MAM-2201 N-(2-Fluoropentyl)	(1-(2-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(4-methylnaphthalen-1-yl)methanone	
231	MAM-2201 N-(3-Fluoropentyl)	(1-(3-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(4-methylnaphthalen-1-yl)methanone	
232	MAM-2201 N-(4-Fluoropentyl)	(1-(4-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(4-methylnaphthalen-1-yl)methanone	
233	MAM-2201 N-(4-hydroxypentyl)	(1-(4-hydroxypentyl)-1*H*-indol-3-yl)(4-methylnaphthalen-1-yl)methanone	
234	M-CHMIC	methyl 1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indole-3-carboxylate	
235	MCPP (*m*CPP)	*Meta* - Chlorophenyl piperazine	6640-24-0
236	MDMB-CHMCZCA	methyl 2-(9-(cyclohexylmethyl)-9*H*-carbazole-3-carboxamido)-3,3-dimethylbutanoate	
237	MDMB-CHMICA	methyl (S)-2-(1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indole-3-carboxamido)-3,3-dimethylbutanoate	1971007-95-0
238	MDMB-CHMINACA	methyl 2-(1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indazole-3-carboxamido)-3,3-dimethylbutanoate	1185888-32-7
239	MDMB-FUBICA	Methyl 2-(1-(4-fluorobenzyl)-1*H*-indol-3-carboxamido)-3,3-dimethylbutanoate	1971007-91-6
240	MDMB-FUBINACA	methyl 2-(1-(4-fluorobenzyl)-1*H*-indazole-3-carboxamido)-3,3-dimethylbutanoate	1715016-77-5
241	MDMB-4en-PINACA	3-methyl-N-[[1-(4-penten-1-yl)-1H-indazol-3-yl]carbonyl]-L-valine, methyl ester	2504100-70-1
242	MDPBP	*(RS)*-1-(3,4-methylenedioxyphenyl)-2-(1-pyrrolidinyl)-1-butanone	784985-33-7

243	MDPV	(*RS*)-1-(benzo[d][1,3]dioxol-5-yl)-2-(pyrrolidin-1-yl)pentan-1-one	687603-66-3
244	Mecloqualone	3 - (*o* - chlorophenyl) - 2 - methyl - 4 - (3*H*) - quinazolinone	340-57-8
245	Mephedrone	4- methyl methcathinone	1189805-46-6
246	Mepirapim	(4-methylpiperazin-1-yl)(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)methanone	
247	Methamphetamine	(+) - (*S*) - *N* - *α* - dimethylphenethylamine	537-46-2
248	Methamphetamine racemate	(±) - *N*, *α* - dimethylphenethylamine	7632-10-2
249	Methaqualone	2 - methyl - 3 - *o* - tolyl - 4 - (3*H*) - quinazolinone	72-44-6
250	Methoxetamine (MXE)	2-(3-methoxyphenyl)-2-(ethylamino)-cyclohexanone	1239943-76-0
251	Methoxyacetylfentanyl	2-methoxy-N-(1-phenethylpiperidin-4-yl)-N-phenylacetamide	101345-67-9
252	Methylone	3,4 - methylenedioxy - *N* - methylcathinone	186028-79-5
253	Metonitazene	N,N-diethyl-2-(2-(4-methoxybenzyl)-5-nitro-1H-benzo[d]imidazol-1-yl)ethan-1-amine	14680-51-4
254	MMB-018 (MMB-PICA,AMB-PICA)	methyl (1-pentyl-1H-indole-3-carbonyl) valinate	1971007-97-2
255	MMB-022 (MMB-4en- PICA)	Methyl 3 -methyl-2-{[1-(pent-4-en-1-yl)-1H- indol-3-yl] formamido} butanoate	
256	MMB-FUBICA (AMB-FUBICA)	methyl 2-(1-(4-fluorobenzyl)-1H-indole-3-carboxamido)-3- methylbutanoate	1971007-90-5
257	MN-18	*N*-(naphthalen-1-yl)-1-pentyl-1*H*-indazole-3-carboxamide	
258	MN-24 (AM-6527; NNE1)	*N*-(naphthalen-1-yl)-1-pentyl-1*H*-indole-3-carboxamide	1338925-11-3
259	MO-CHMINACA	1-methoxy-3,3-dimethyl-1-oxobutan-2-yl 1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indazole-3-carboxylate	
260	MPA (Methiopropamine)	1- (thiophen-2-yl) -2-methylaminopropane	801156-47-8
261	MT-45	1-xyclohexyl-4 (1,2-diphenylethyl) piperazine	52694-55-0
262	N-(1-Amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-(phenylmethyl)-1H-indazole-3-carboxamide	*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-benzyl-1*H*-indazole-3-carboxamide	
263	N-(1-Amino-3-methyl-1oxobutan-2-yl)-1-(phenylmethyl)-1H-indole-3-carboxamide	*N*-(1-amino-3-methyl-1-oxobutan-2-yl)-1-benzyl-1*H*-indole-3-carboxamide	
264	N-(2-Methoxyethyl)-N-(1-methylethyl)-2-(1-pentyl-1H-indol-3-yl)-4-thiazol-methanamine	N-(2-methoxyethyl)-*N*-((2-(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)thiazol-4-yl)methyl)propan-2-amine	1400742-45-1

265	N-(6-Quinolinyl)-1-pentyl-1H-indazole-3-carboxamide	1-pentyl-*N*-(quinolin-6-yl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
266	N-(Naphthalen-1-yl)-1H-indazole-3-carboxamide	*N*-(naphthalen-1-yl)-1*H*-indazole-3-carboxamide	
267	N-(naphthalen-1-yl)-1-pentyl-1H-pyrrolo[2,3-b]pyridine-3-carboxamide	*N*-(naphthalen-1-yl)-1-pentyl-1*H*-pyrrolo[2,3-b]pyridine-3-carboxamide	
268	N,N-Diethyl-2-(1-pentyl-1H-indol-3-yl)-4-thiazol-methanamine	*N*-ethyl-*N*-((2-(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)thiazol-4-yl)methyl)ethanamine	1400742-46-2
269	Naphthalen-1-yl(1-(pent-4-enyl)-1H-pyrrolo[2,3-b]pyridin-3-yl)methanone	naphthalen-1-yl(1-(pent-4-en-1-yl)-1*H*-pyrrolo[2,3-b]pyridin-3-yl)methanone	
270	Naphthalen-1-yl(1-(pentyl-1H-benzo[d]imidazol-2-yl)methanone	naphthalen-1-yl(1-pentyl-1*H*-benzo[d]imidazol-2-yl)methanone	
271	Naphthalen-1-yl-(1-pentyl-1H-7-azaindol-3-yl)methanone	Naphthalen-1-yl-(1-pentyl-1*H*-7-azaindol-3-yl)methanone	
272	Naphthalen-1-yl-1-benzyl-1H-indole-3-carboxylate	naphthalen-1-yl 1-benzyl-1*H*-indole-3-carboxylate	
273	N-Ethylnorpentylone (Ephylone)	1-(2H-1,3-Benzodioxol-5-yl)-2-(ethylamino) pentan-1-one	17763-02-9
274	N-Ethylhexedrone (NEH, Hexen, Ethyl-Hex)	2-(Ethylamino)-1-phenyl-1-hexanone	802857-66-5
275	N-methyl ethylone	1-(benzo[d][1,3]dioxol-5-yl)-2-(ethyl(methyl)amino)propan-1-one	
276	NM-2201	naphthalen-1-yl 1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indole-3-carboxylate	
277	NNEI 2'-indazole isomer	*N*-(naphthalen-1-yl)-2-pentyl-2*H*-indazole-3-carboxamide	
278	Ocfentanil	N-(2-fluorophenyl)-2-methoxy-N-(1-phenethylpiperidin-4-yl) acetamide	101343-69-5
279	ORG 27569	5-chloro-3-ethyl-*N*-(4-(piperidin-1-yl)phenethyl)-1*H*-indole-2-carboxamide	
280	ORG 27759	*N*-(4-(dimethylamino)phenethyl)-3-ethyl-5-fluoro-1*H*-indole-2-carboxamide	
281	ORG 29647	*N*-(1-benzylpyrrolidin-3-yl)-5-chloro-3-ethyl-1*H*-indole-2-carboxamide	
282	Orthofluorofentanyl (2-Fluorofentanyl)	N-(2-fluorophenyl)-N-(1-phenethylpiperidin-4-yl) propionamide	910616-29-4
283	PB-22 (QUPIC)	quinolin-8-yl 1-pentyl-1*H*-indole-3-carboxylate	1400742-17-7

284	PB-22 N-(2-fluoropentyl)	quinolin-8-yl 1-(2-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxylate	
285	PB-22 N-(4-fluoropentyl)	quinolin-8-yl 1-(4-fluoropentyl)-1*H*-indazole-3-carboxylate	
286	Parafluorobutyrylfentanyl (4-Fluorobutyrfentanyl)	N-(4-fluorophenyl)-N-(1-phenethyl piperidin-4-yl) butyramide	244195-31-1
287	Pentedrone	(±) -1-phenyl-2- (metylamino) pentan-1-one	879722-57-3
288	Phencyclidine	1 - (1 - phenylcyclohexyl) piperidine	77-10-1
289	Phenazepam	7-Bromo-5- (2-clophenyl) -1,3-dihydro-2 *H* -1,4-benzodiazepine-2-one	51753-57-2
290	Phenmetrazine	3 - methyl - 2 - phenylmorpholine	134-49-6
291	Pholcodine	3 - morpholinylethylmorphine	509-67-1
292	Pravadoline (WIN 48,098)	(4-methoxyphenyl)(2-methyl-1-(2-morpholinoethyl)-1*H*-indol-3-yl) methanone	92623-83-1
293	Propylphenidate (PPH)	Propyl 2-phenyl-2-(piperidin-2- yl) acetate	1071564-47-0
294	PX-1	*N*-(1-amino-1-oxo-3-phenylpropan-2-yl)-1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indole-3-carboxamide	
295	QUCHIC (BB-22)	quinolin-8-yl 1-(cyclohexylmethyl)-1*H*-indole-3-carboxylate	1400742-42-8
296	Quinolin-8-yl-1-benzyl-1*H*-indazole-3-carboxylate	quinolin-8-yl 1-benzyl-1*H*-indazole-3-carboxylate	
297	RCS-2 butyl	1-butyl-2-(2-methoxyphenyl)-1*H*-indole-3-carbaldehyde	1345966-63-3
298	RCS-3	2-(3-methoxyphenyl)-1-(1-pentyl-indol-3-yl) methanone	1379922-51-6
299	RCS-4	(4-methoxyphenyl)(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl) methanone	1345966-78-0
300	RCS-4 butyl	(4-methoxyphenyl)(1-butyl-1*H*-indol-3-yl) methanone	
301	RCS-4 ortho isomer	(2-methoxyphenyl)(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl) methanone	
302	RCS-8 (SR-18; BTM-8)	1-(1-(2-cyclohexylethyl)-1*H*-indol-3-yl)-2-(2-methoxyphenyl)ethan-1-one	1345970-42-4
303	Rimonabant	5-(4-chlorophenyl)-1-(2,4-dichlorophenyl)-4-methyl-N-(piperidin-1-yl)-1*H*-pyrazole-3-carboxamide	168273-06-1
304	SDB-005	naphthalen-1-yl 1-pentyl-1*H*-indazole-3-carboxylate	
305	SDB-006	*N*-benzyl-1-pentyl-1*H*-indole-3-carboxamide	695213-59-3

306	Secobarbital	5 - ally - 5 - (1 - methylbutyl) barbituric acid	76-73-3
307	Tetrahydrofuranylfentanyl (THF-F)	N-(1-phenethylpiperidin-4-yl)-N-phenyltetrahydrofuran-2-carboxamide	2142571-01-3
308	TFMPP	1[3-(trifluoromethyl) phenyl] piperazine	15532-75-9
309	THJ-018	naphthalen-1-yl(1-pentyl-1*H*-indazol-3-yl) methanone	1364933-55-0
310	THJ-2201	(1-(5-fluoropentyl)-1*H*-indazol-3-yl)(naphthalen-1-yl) methanone	1801552-01-1
311	Tramadol	(±)-Trans-2-Dimethylaminomethyl-1-(3-methoxyphenyl) cyclohexan-1-ol	27203-92-5
312	Trans-CP 47,497-C8	2-[(1S,3S)-3-hydroxycyclohexyl]-5-(2-methylnonan-2-yl)phenol	
313	U-47700	3,4-dichloro-*N*-[(1R,2R)-2 -(dimetylamino)cyclohexyl]-*N*- methyl-benzamide	82657-23-6
314	UR-144 (KM-X1)	(1-pentyl-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl) methanone	1199943-44-6
315	UR-144 N-(3-chloropentyl)	(1-(3-chloropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl) methanone	
316	UR-144 N-(4-pentenyl)	(1-(pent-4-en-1-yl)-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl) methanone	
317	UR-144 N-(5-bromopentyl)	(1-(5-bromopentyl)-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl) methanone	1628690-26-5
318	UR-144 N-(5-chlorophentyl)	(1-(5-chloropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl) methanone	1445577-42-3
319	UR-144 N-heptyl	(1-heptyl-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl)methanone	1616469-06-7
320	URB447	(4-amino-1-(4-chlorobenzyl)-2-methyl-5-phenyl-1*H*-pyrrol-3-yl) (phenyl) methanone	
321	URB597	(3'-carbamoyl-[1,1'-biphenyl]-3-yl)(cyclohexyl)carbamate	546141-08-6
322	URB-602	cyclohexyl [1,1'-biphenyl]-3-yl carbamate	565460-15-3
323	URB754	6-methyl-2-(p-tolylamino)-4*H*-benzo[d][1,3]oxazin-4-one	86672-58-4
324	Valerylfentanyl	N-(1-phenethylpiperidin-4-yl)-N-phenylpentanamide	122882-90-0

325	WIN 55, 212-2	(R)-(5-methyl-3-(morpholinomethyl)-2,3-dihydro-[1,4]oxazino[2,3,4-hi]indol-6-yl)(naphthalen-1-yl)methanone	131543-23-2
326	XLR-11	(1-(5-Fluoro-pentyl)-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl) methanone	1364933-54-9
327	XLR-11 N-(2-fluoropentyl)	(1-(2-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl) methanone	
328	XLR-11 N-(3-fluoropentyl)	(1-(3-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl) methanone	
329	XLR-11 N-(4-fluoropentyl)	(1-(4-fluoropentyl)-1*H*-indol-3-yl)(2,2,3,3-tetramethylcyclopropyl) methanone	
330	XLR-12	(2,2,3,3 -tetramethylcyclopropyl)(1-(4,4,4-trifluorobutyl)-1*H*-indol-3- yl) methanone	895155-78-9
331	Zipeprol	α - (α - methoxybenzyl) - 4 - (β - methoxyphenethyl)-1-piperazineethanol	34758-83-3

IID. Các chất sau

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Lá Coca		

DANH MỤC III
CÁC CHẤT MA TÚY ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU, KIỂM NGHIỆM, GIÁM ĐỊNH, ĐIỀU TRA TỘI PHẠM HOẶC TRONG LĨNH VỰC Y TẾ, THÚ Y THEO QUY ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Danh Mục này bao gồm cả các muối có thể tồn tại của các chất dưới đây:

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS
1	Allobarbital	5,5 - diallylbarbituric acid	52-43-7
2	Alprazolam	8 - chloro -1 - methyl - 6 - phenyl - 4*H* - *s* - triazolo [4,3 - *a*] [1,4] - benzodiazepine	289981-97-7
3	Aminorex	2 - amino - 5 - phenyl - 2 - oxazoline	2207-50-3
4	Amobarbital	5 - ethyl - 5 - isopentylbarbituric acid	57-43-2
5	Barbital	5,5 - diethylbarbituric acid	57-44-3
6	Benzfetamine	*N* - benzyl - *N* - α - dimethylphenethylamine	156-08-1
7	Bromazepam	7 - bromo -1,3 - dihydro - 5 - (2 - pyridyl) - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin - 2 -one	1812-30-2
8	Buprenorphine	21 - cyclopropyl 7 - α- [(*S*) - 1- hydroxy -1,2,2 trimethylpropyl] - 6,14 - *endo* -ethano -6,7,8,14 - tetrahydrooripavine	52485-79-7
9	Butalbital	5 - allyl - 5 - isobutylbarbituric acid	77-26-9
10	Butobarbital	5 - butyl - 5 - ethylbarbituric acid	77-28-1
11	Camazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 3 - hydroxy - 1 - methyl - 5 - phenyl - 2*H* - 1,4 benzodiazepin - 2 - one dimethylcarbamate (ester)	36104-80-0
12	Cathine ((+)norpseudoephedrine)	(+) - (*R*)- α - [(*R*) - 1 - aminoethyl] benzylalcohol	492-39-7
13	Chlordiazepoxide	7 - chloro - 2 - (methylamino) - 5 - phenyl - 3*H* - 1,4 - benzodiazepine - 4 - oxide	58-25-3
14	Clobazam	7 - chloro -1 - methyl - 5 - phenyl - 1*H* - 1,5 - benzodiazepine - 2,4 (3*H*, 5*H*) - dione	22316-47-8
15	Clonazepam	5 - (*o*- chlorophenyl) - 1,3 - nitro - 2*H* - 1,4 - benzodiazepine - 2 - one	1622-61-3
16	Clonazolam	6-(2-chlorophenyl)-1-methyl-8-nitro-4H-benzo[f][1,2,4]triazolo[4,3-a][1,4]diazepine	33887-02-4
17	Clorazepate	7 - chloro - 2,3 - dihydro - 2 - oxo - 5 - phenyl - 1*H* - 1,4 - benzodiazepine - 3 - carboxylic acid	23887-31-2
18	Clotiazepam	5-(2-chlorophenyl) -7-ethyl-1,3-dihydro-1-methyl -2H -thieno[2,3,e] - 1-4 -diazepin - 2 - one	33671-46-4
19	Cloxazolam	10 - chloro - 11*b* - (*o* - chlorophenyl) - 2,3,7,11*b* - tetrahydrooxazolon - [3,2-*d*][1,4] benzodiazepin - 6(5*H*) - one	24166-13-0
20	Cyclobarbital	5 - (1-cyclohexen-1-yl) -5-ethylbarbituric acid	52-31-3
21	Delorazepam	7 - chloro - 5 - (*o*-chlorophenyl) -1,3 - dihydro - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one	2894-67-9

22	Diazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 1 - methyl - 5 - phenyl - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin -2 - one	439-14-5
23	Diclazepam	7-chloro-5-(2-chlorophenyl)-1-methyl-1,3-dihydro-2H-benzo[e][1,4]diazepin-2-one	2894-68-0
24	Estazolam	8-chloro - 6 - phenyl - 4*H* - *s* - triazolo - [4,3 - *a*] [1,4 - benzodiazepin	29975-16-4
25	Ethchlorvyrol	1 - choloro-3 - ethyl - 1 - penten - 4yn - 3 - ol	113-18-8
26	Ethinamate	1 - ethynylcyclohexanolcarbamate	126-52-3
27	Ethylloflazepate	Ethyl -7-chloro-5-(*o* - fluorophenyl)-2-3-dihydro -2-oxo-1*H* -1,4- benzodiazepin-3-carboxylate	29177-84-2
28	Etilamfetamine	*N*-ethyl - α - methylphenylethylamine	457-87-4
29	Etizolam	4-(2-chlorophenyl)-2-ethyl-9-methyl-6H-thieno [3,2-f] [1,2,4]triazolo[4,3-a][1,4] diazepine	40054-69-1
30	Fencamfamine	*N*-ethyl - 3 - phenyl - 2 - norbomanamine	1209-98-9
31	Fenproporex	(±) - 3 - [(α - methylphenylethyl) aminol propionitrile	16397-28-7
32	Flualprazolam	8-chloro-6-(2-fluorophenyl)-1-methyl-4H-[1,2,4] triazolo[4,3-a][1,4] benzodiazepine	28910-91-0
33	Flubromazolam	8-bromo-6-(2-fluorophenyl)-1-methyl-4H-benzo[f][1,2,4]triazolo[4,3-a][1,4]diazepine	612526-40-6
34	Fludiazepam	7 - chloro - 5 - (*o* - fluorofenyl) -1,3 - dihydro - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one	3900-31-0
35	Flunitrazepam	5 - (*o* - fluorophenyl) - 1,3 - dihydro - 1 - methyl - 7 - nitro - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one	1622-62-4
36	Flurazepam	7-chloro-1-[2 -(diethylamino) ethyl] -5 -(*o*-fluorophenyl) -1,3 -dihydro -2H -1,4 - benzodiazepin -2 -one	17617-23-1
37	Glutethimide	2 - ethyl - 2 - phenylglutarimide	77-21-4
38	Halazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 5 - phenyl - 1 - (2,2,2 - trifluoroethyl) - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one	23092-17-3
39	Haloxazolam	10 - bromo - 11*b* - (*o* - fluorophenyl) - 2,3,7,11*b* - tetrahydrooxazolo [3,2 - *d*] [1,4] benzodiazepin - 6 - (5H) - one	59128-97-1
40	Ketamine	(±)-2-(2-Chlorophenyl)-2-methylaminocyclohexanone	6740-88-1
41	Ketazolam	11 - chloro - 8 - 12*b* - dihydro - 2,8 - dimethyl - 12*b* - phenyl - 4*H* - [1,3] - oxazino [3,2 - *d*] [1,4] benzodiazepin - 4.7 (*6H*) - dione	27223-35-4
42	Lefetamine (SPA)	(-) - *N,N* - dimethyl - 1,2 - diphenylethylamine	7262-75-1
43	Loprazolam	6 - (o- chlorophenyl) -2,4 -dihydro - 2-[(4-methyl -1 -[piperazinyl) methylene] - 8 - nitro - 1 -*H* - imidazo -[1,2 - *a*] [1,4] benzodiazepin- 1 -one	61197-73-7
44	Lorazepam	7 - chloro - 5 - (*o* - chlorofenyl) - 1,3 - dihydro - 3 - hydroxy - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one	846-49-1
45	Lormetazepam	7-chloro-5 -(*o* -chlorofenyl) -1,3-dihydro -3 hydroxy-1-methyl-2*H* -1,4-benzodiazepin-2 - one	848-75-9

46	Mazindol	5 - (*p*-chlorophenyl) - 2,5 dihydro - 3*H* - imidazo - (2,1 - *a*) isoindol - 5 - ol	22232-71-9
47	Medazepam	7 - chloro - 2,3 - dihydro - 1 - methyl - 5 - phenyl - 1*H* - 1,4 - benzodiazepine	2898-12-6
48	Mefenorex	*N*-(3 - chloropropyl) - *α* - methylphenethylamine	17243-57-1
49	Meprobamate	2-methyl -2-propyl -1,3 –propanediol dicarbamate	57-53-4
50	Mesocarb	3 - (*α* - methylphenethyl) - *N* - (phenylcarbamoyl) syndnoneimine	34262-84-5
51	Methylphenobarbital	5 - ethyl - 1 - methyl - 5 - phenylbarbituric acid	115-38-8
52	Methyprylon	3,3 - diethyl - 5 - methyl - 2,4 - piperidine - dione	125-64-4
53	Midazolam	8 - chloro - 6 - (*o* - fluorophenyl) - 1 - methyl - 4*H* - imidazo - [1,5 - *a*] [1,4] - benzodiazepin	59467-70-8
54	Nimetazepam	1,3 - dihydro -1 - methyl - 7 - nitro - 5 - phenyl - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one	2011-67-8
55	Nitrazepam	1,3 - dihydro - 7 - nitro - 5 phenyl - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one	146-22-5
56	Nordazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 5 - phenyl - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one	1088-11-5
57	Oxazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 3 - hydroxy - 5 - phenyl - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one	604-75-1
58	Oxazolam	10 - chloro - 2,3,7,11*b* - tetrahydro - 2 - methyl - 11*b* - phenyloxazolo [3,2 - *d*][1,4] benzodiazepin - 6(5*H*) - one	24143-17-7
59	Pemoline	2 - amino - 5 - phenyl - 2 - oxazolin - 4 - one	2152-34-3
60	Pentazocine	(2R*,6R*, 11R*) - 1,2,3,4,5,6 - hexahydro - 6,11 - dimethyl - 3 - (3 - methyl - 2 - butenyl) - 2,6 - methano - 3 - benzazocin - 8 - ol	55643-30-6
61	Pentobarbital	5 - ethyl - 5 - (1 - methylbutyl) barbituric acid	76-74-4
62	Phendimetrazine	(+) - 3,4 - dimethyl - 2 - phenylmorpholine	634-03-7
63	Phenobarbital	5 - ethyl - 5 - phenylbarbituric acid	50-06-6
64	Phentermine	*α*, *α* - dimethylphenethylamine	122-09-8
65	Pinazepam	7 - chloro - 1,3 - dihydro - 5 - phenyl - 1 - (2 - propynyl) - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one	52463-83-9
66	Pipradrol	1 - 1 - diphenyl - 1 - (2 - piperidyl) - methanol	467-60-7
67	Prazepam	7 -chloro -1 -(cyclopropylmethyl) -1,3 -dihydro -5 -phenyl -2*H* -1,4 -benzodiazepin -2 -one	2955-38-6
68	Pyrovalerone	4' - methyl - 2 - (1 - pyrrolidinyl) valerophenone	3563-49-3
69	Secbutabarbital	5 - *sec* - butyl - 5 - ethylbarbituric acid	125-40-6
70	Temazepam	7 - chloro -1,3 - dihydro - 3 - hydroxy -1 - methyl - 5 - phenyl - 2*H* - 1,4 - benzodiazepin - 2 - one	846-50-4

71	Tetrazepam	7 -chloro -5 -(1 -cyclohexen- 1-yl) -1,3 - dihydro -1 methyl - 2*H* -1,4 - benzodiazepin-2 - one	10379-14-3
72	Tiletamine	2-(ethylamino)-2-thiophen-2-yl cyclohexan -1- one	14176-49-9
73	Triazolam	8 - chloro - 6 - (*o* - chlorophenyl) - 1 - methyl - 4*H* - *s* - triazolo [4,3 - *a*] [1,4] benzodiazepine	28911-01-5
74	Vinylbital	5 - (1 - methylbutyl) - 5 - vinylbarbituric acid	2430-49-1
75	Zolazepam	4 - (2 - fluorophenyl) - 1,3,8 - trimethyl -*6H* - pyrazolo [3,4-e] [1,4] diazepin - 7 -one	31352-82-6
76	Zolpidem	*N, N,* 6 - trimethyl - 2 - *p* - tolylimidazol [1,2 - *a]* pyridine - 3 - acetamide	82626-48-0

DANH MỤC IV
CÁC TIỀN CHẤT

IVA: Các tiền chất thiết yếu, tham gia vào cấu trúc chất ma túy.

Danh mục này bao gồm cả các muối có thể tồn tại của các chất có đánh dấu *.

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS	Mã số hàng hóa	Cơ quan quản lý
1	1-boc-4-AP	tert-Butyl 4-(phenylamino) piperidine-1-carboxylate	125541- 22-2		Bộ Công an
2	1-phenyl-2-propanone (P2P)	1-phenyl-2-propanone	103-79-7	2914.31.00	Bộ Công Thương
3	3,4-MDP-2P-methyl glycidate (PMK glycidate)	2-oxiranecarboxylic acid, 3-(1,3-benzodioxol-5-yl)-2-methyl-, methyl ester	13605-48-6	2932.99.90	Bộ Công an
4	3,4-MDP-2P-methyl glycidic acid (PMK glycidic acid)	2-oxiranecarboxylic acid, 3-(1,3-benzo dioxol-5-yl)-2-methyl-	2167189-50-4	2932.99.90	Bộ Công an
5	4-ANPP *	4-aminophenyl-1-phenethylpiperidine	21409-26- 7	2933.39.90	Bộ Công an
6	4-AP	N-Phenyl-4-piperidinamine	23056-29-3		Bộ Công an
7	Acetic anhydride	Acetic oxide	108-24-7	2915.24.00	Bộ Công Thương
8	*Alpha*-phenyl acetoacetonitrile (APAAN)	3-oxo-2-phenylbutanenitrile	4468-48-8	2926.40.00	Bộ Công Thương
9	Alpha-phenylaceto acetamide (APAA)	3-oxo-2-phenylbutanamide	4433-77-6	2924.29.90	Bộ Công an
10	Alpha-bromo-(o-chlorophenyl)-cyclopentyl ketone	Alpha-bromo-(o-chlorophenyl)-cyclopentyl ketone			Bộ Công an
11	Anthranilic acid*	2 - Aminobenzoic acid	118-92-3	2922.43.00	Bộ Công Thương
12	Benzaldehyde	Benzaldehyde	100-52-7	2912.21.00	Bộ Công Thương
13	Benzyl cyanide	2-Phenylacetonenitrile	140-29-4	2926.90.00	Bộ Công Thương
14	Cyclopentyl bromide	Bromocyclopentane	137-43-9	2903.89.90	Bộ Công Thương
15	Cyclopentyl chloride	Chlorocyclopentane	930-28-9	2903.89.00	Bộ Công Thương
16	Cyclopentyl magnesium bromide	Cyclopentyl magnesium bromide	33240-34-5	2903.89.00	Bộ Công Thương

17	Ephedrine*	(1*R*,2*R*)-2-methylamino-1 - phenyl propan - 1 - ol	299-42-3	2939.41.00	Bộ Yte
18	Ergometrine*	*N* - (2 - hydroxy - 1 - methylethyl) - D (+) - lysergamide	60-79-7	2939.61.00	Bộ Y tế
19	Ergotamine*	Ergotaman-3',6',18 - trione, 12'-hydroxy-2 -methyl -5'- (phenylmethyl) -(5'*a*)	113-15-5	2939.62.00	Bộ Y tế
20	*Gamma*-butyro lactone (GBL)	Dihidrofuran-2(3*H*)-one	96-48-0	2932.20.90	Bộ Công Thương
21	Hydroxylimine	1-hydroxycyclopentyl -(o-chlorophenyl)-ketone-N-methylimine	90717-16-1	2925.29.00	Bộ Công an
22	Isosafrole	1,3 - Benzodioxole - 5 - (1 - propenyl)	120-58-1	2932.91.00	Bộ Công Thương
23	Lysergic acid*	(8b) - 9,10 - didehydro - 6 - methylergolin - 8 - carboxylic acid	82-58-6	2939.63.00	Bộ Công Thương
24	Methyl alpha-phenyl acetoacetate (MAPA)	Methyl 3-oxo-2-phenylbutanoate	16648-44-5	2918.30.00	Bộ Công an
25	N-acetylanthranilic acid*	1 - Acetylamino - 2 - carboxybenzene	89-52-1	2924.23.00	Bộ Công Thương
26	N-Ethylephedrine*	1-Ethylephedrine	7681-79-0	2939.49.90	Bộ Y tế
27	N-Ethyl pseudoephedrine*	Ethyl methyl amino-phenyl-propane -1-ol	258827-65-5	2939.49.90	Bộ Y tế
28	N-Methylephedrine*	(1R,2S)-2-(Dimethylamino)-1-phenyl-1-propanol	552-79-4	2939.49.90	Bộ Y tế
29	N-Methyl pseudoephedrine*	Dimethylamino-phenyl-propane-1-ol	51018-28-1	2939.49.90	Bộ Yte
30	Norephedrine (Phenylpropanolamine)	α-(1-Aminoethyl) enzylalcohol	14838-15-4	2939.44.00	Bộ Công an
31	Norfentanyl	N-phenyl-N-4-piperidinyl-propanamide	1609-66-1		Bộ Công an
32	*N*-Phenethyl-4-piperidinone (NPP)	1- (2-Phenylethyl) piperidine-4-one	39742-60	2933.39.90	Bộ Công an
33	o-Chlorobenzonitrile	2-Chlorobenzonitrile	873-32-5	2926.90.00	Bộ Công Thương
34	o-Bromobenzonitrile	2-Bromobenzonitrile	2042-37-7	2926.90.00	Bộ Công Thương
35	o-Chlorophenyl cyclopentyl ketone	2-Chlorophenyl cyclopentyl ketone	6740-85-8	2914.29.90	Bộ Công an
36	Phenylacetic acid*	Benzeneacetic acid	103-82-2	2916.34.00	Bộ Công Thương

37	Piperidine*	Cyclopentimine	110-89-4	2933.32.00	Bộ Công Thương
38	Piperonal*	1,3-Benzodioxole-5-carbaldehyde	120-57-0	2932.93.00	Bộ Công Thương
39	Piperonyl methyl ketone	3,4 - methylenedioxyphenyl-2-propanone	4676-39-5	2932.92.00	Bộ Công Thương
40	Propiophenone	1-phenyl-1-propanone	93-55-0	2914.39.00	Bộ Công Thương
41	Pseudoephedrine*	(1S, 2S) - 2-methylamino - 1- phenyl propane -1-ol	90-82-4	2939.42.00	Bộ Y tế
42	Safrole	5-(prop-2-en-1-yl)-2*H*-1,3-benzodioxole	94-59-7	2932.94.00	Bộ Công Thương

IVB: Các tiền chất là hóa chất, dung môi, chất xúc tác dùng trong quá trình sản xuất chất ma túy.

STT	Tên chất	Tên khoa học	Mã thông tin CAS	Mã số hàng hóa	Cơ quan quản lý
1	Acetic acid	Ethanoic acid	64-19-7	2915.21.00	Bộ Công Thương
2	Acetone	2-propanone	67-64-1	2914.11.00	Bộ Công Thương
3	Acetyl chloride	Acetyl chloride	75-36-5	2915.90.10	Bộ Công Thương
4	Ammonium formate	Ammonium formate	540-69-2	2915.12.00	Bộ Công Thương
5	Diethylamine	*N*-ethylethanamine	109-89-7	2921.19.00	Bộ Công Thương
6	Ethyl ether	1-1'-oxybis[ethane]	60-29-7	2909.11.00	Bộ Công Thương
7	Ethylene diacetate	1,2-ethanediol diacetate	111-55-7	2915.39.90	Bộ Công Thương
8	Formamide	Methanamide	75-12-7	2924.19.90	Bộ Công Thương
9	Formic Acid	Methamoic Acid	64-18-6	2915.11.00	Bộ Công Thương
10	Hydrochloric acid	Hydrochloric acid	7647-01-0	2806.10.00	Bộ Công Thương
11	Methyl ethyl ketone	2-Butanone	78-93-3	2914.12.00	Bộ Công Thương
12	Methylamine	Methanamine	74-89-5	2921.11.00	Bộ Công Thương
13	Nitroethane	Nitroethane	79-24-3	2904.20.90	Bộ Công Thương

14	Potassium permanganate	Potassium permanganate	7722-64-7	2841.61.00	Bộ Công Thương
15	Sulfuric acid	Sulfuric acid	7664-93-9	2807.00.00	Bộ Công Thương
16	Tartaric acid	2,3-Dihydroxy butanedioic acid	526-83-0 87-69-4 133-37-9	2918.12.00	Bộ Công Thương
17	Thionyl chloride	Thionyl chloride	7719-09-7	2812.17.00	Bộ Công Thương
18	Toluene	Methyl benzene	108-88-3	2902.30.00	Bộ Công Thương

Ghi chú: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quản lý các tiền chất dùng làm nguyên liệu sản xuất thuốc thú y theo quy định tại Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy.